

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định về mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng
lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Pháp lệnh về phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về phí, lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 85/2014/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI, kỳ họp thứ 9 về việc sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 2004/STC-GCS ngày 15 tháng 8 năm 2014; Sở Xây dựng tại Văn bản số 817/SXD-KTXD ngày 11 tháng 8 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ban hành; thay thế Khoản 3 Điều 1 Quyết định số 58/2013/QĐ-UBND ngày 31

tháng 12 năm 2013 của UBND tỉnh về việc bổ sung, điều chỉnh và bãi bỏ một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; Khoản 6 Điều 1 Quyết định số 66/2006/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2006 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ mức thu một số phí, lệ phí, bãi bỏ quy định phụ thu sản phẩm Titan trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Chánh, các PVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo Tin học - VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, TH₂.

Gửi:

- + VB giấy: Bộ Tài chính; Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- + Bản ĐT gửi các thành phần khác.

Ơm

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Đình Sơn

QUY ĐỊNH

**Mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng
lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND
ngày 20 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Lệ phí cấp giấy phép xây dựng là khoản thu đối với các tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật.

Quy định này quy định về mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng nộp lệ phí: Tổ chức, cá nhân khi được cơ quan có thẩm quyền tại địa phương cấp giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật.

2. Đơn vị tổ chức thu lệ phí:

a. Sở Xây dựng tổ chức thu lệ phí đối với các công trình xây dựng cấp đặc biệt, cấp I, cấp II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hoá; công trình quảng cáo; công trình tượng đài, tranh hoành tráng trên địa bàn tỉnh; công trình thuộc dự án (hoặc Báo cáo kinh tế kỹ thuật) của nhà đầu tư là các tổ chức; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài; công trình xây dựng cấp III trên các tuyến phố chính trong đô thị loại IV trở lên có lộ giới từ 35m trở lên, trên các tuyến quốc lộ, đường Hồ Chí Minh và các công trình khác do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

b. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh tổ chức thu lệ phí đối với các công trình thuộc dự án do Ban Quản lý cấp giấy chứng nhận đầu tư;

c. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thu lệ phí đối với công trình nhà ở riêng lẻ tại những điểm dân cư nông thôn đã có quy hoạch xây dựng được duyệt thuộc địa giới hành chính do mình quản lý.

d. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thu lệ phí đối với các công trình còn lại; công trình xây dựng tạm nằm trong quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và công bố nhưng chưa có quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; nhà ở riêng lẻ ở đô thị thuộc địa giới hành chính do mình quản lý, trừ các đối tượng quy định trên;

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Chương II

MỨC THU, QUẢN LÝ VÀ CHỨNG TỪ THU LỆ PHÍ

Điều 3. Mức thu

1. Cấp phép xây dựng nhà ở riêng lẻ của nhân dân (thuộc đối tượng phải có giấy phép): 60.000 đồng/1 giấy phép;
2. Cấp phép xây dựng các công trình khác: 130.000 đồng/1 giấy phép;
3. Trường hợp gia hạn giấy phép xây dựng: 15.000 đồng/1 giấy phép/lần.

Điều 4. Chứng từ thu lệ phí

1. Đơn vị thu lệ phí phải sử dụng biên lai thu lệ phí theo quy định tại Thông tư số 153/2012/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước.

2. Khi thu lệ phí phải cấp biên lai thu lệ phí cho đối tượng nộp lệ phí; nghiêm cấm việc thu lệ phí không sử dụng biên lai, biên lai không đúng quy định hoặc thu cao hơn mệnh giá ghi trên biên lai. Kết thúc năm tài chính phải quyết toán thu theo biên lai (không quyết toán số thu khoán khi đã có biên lai).

Điều 5. Quản lý và sử dụng tiền lệ phí

1. Việc quản lý và sử dụng tiền lệ phí thu được thực hiện theo quy định tại Điều 11, Điều 12, Điều 13 và Điều 17 Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành pháp lệnh phí, lệ phí; Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP; Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC; Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Đơn vị tổ chức thu phải mở tài khoản “tạm giữ tiền phí, lệ phí” tại Kho bạc Nhà nước nơi cơ quan thu đóng trụ sở để theo dõi, quản lý tiền lệ phí thu được. Định kỳ, hàng tuần phải gửi số tiền lệ phí đã thu được vào tài khoản “tạm giữ tiền phí, lệ phí” và phải tổ chức hạch toán riêng khoản thu này theo chế độ kế toán hiện hành của Nhà nước.

2. Lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước, tổng số tiền thu lệ phí được trích như sau: Trích 75% trên tổng số lệ phí thu được cho đơn vị thu quản lý, sử dụng; phần còn lại (25%) nộp vào ngân sách tỉnh.

Điều 6. Chế độ tài chính kế toán

1. Đơn vị tổ chức thu lệ phí phải mở sổ sách, biên lai kế toán theo dõi số thu, nộp và sử dụng tiền lệ phí thu được theo đúng chế độ kế toán, thống kê quy định của Nhà nước.

2. Hàng năm, đơn vị tổ chức thu lệ phí phải căn cứ chế độ quy định của nhà nước lập dự toán thu, chỉ gửi cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp, cơ quan tài chính, cơ quan thuế cùng cấp (đối với tổ chức thu là Ủy ban nhân dân các cấp phải gửi cơ quan tài chính, cơ quan thuế cấp trên), Kho bạc Nhà nước nơi tổ chức thu theo quy định.

3. Định kỳ phải báo cáo quyết toán việc thu, nộp, sử dụng số tiền thu lệ phí theo quy định của Nhà nước đối với từng loại lệ phí; trường hợp thu các loại lệ phí khác nhau phải theo dõi hạch toán và quyết toán riêng đối với từng loại lệ phí.

4. Đối với tiền lệ phí để lại cho đơn vị tổ chức thu, sau khi quyết toán đúng chế độ, tiền lệ phí chưa sử dụng hết trong năm được phép chuyển sang năm sau để sử dụng tiếp theo chế độ quy định.

5. Thực hiện chế độ công khai tài chính theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện niêm yết công khai mức thu lệ phí tại nơi thu lệ phí.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

1. Giám đốc Sở Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị tổ chức thực hiện thu lệ phí theo quy định.

2. Cơ quan thuế nơi đơn vị đóng trụ sở có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thu lệ phí thực hiện chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng biên lai thu tiền lệ phí theo đúng chế độ quy định.

3. Giao cơ quan tài chính phối hợp với cơ quan thuế, Kho bạc Nhà nước và các cơ quan liên quan có trách nhiệm quản lý, kiểm tra thu lệ phí theo đúng quy định.

4. Tổ chức, cá nhân vi phạm về quản lý, thu, nộp, sử dụng tiền lệ phí sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật./.

TM

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Đình Sơn